

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Vi Đăng K- Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 20/3/2025 giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: ông Hà Văn V -Luật sư - Văn phòng Luật sư Đặng Thụ Việt Y. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ:TDP C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn:** Anh Đỗ Duy T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (vợ ông S) (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông trình bày: Ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) ông có cho anh Đỗ Duy T vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi thỏa thuận 1.5%/tháng. Khi vay anh T nói vay để mua xe máy, thời hạn vay không ghi trong giấy vay nhưng có nói bằng miệng thời hạn 06 tháng thì trả. Ông xác định chữ viết và ký tại giấy vay đề ngày 01/5/2021 âm lịch do anh T viết và ký. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của anh T vì hiện anh T chưa có vợ, và ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông. Kể từ ngày vay ông đã đòi nhiều lần nhưng đến nay anh T không trả được số tiền nào. Nay ông yêu cầu khởi kiện anh T trả

cho vợ chồng ông số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính 1.5%/tháng, tính từ ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông S vắng mặt và có đơn xin được vắng mặt.

*Bị đơn anh Đỗ Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh Trung không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L (vợ ông S) trình bày: Bà nhất trí với phần trình bày của ông S và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng S.

Buộc anh Đỗ Duy T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi là 20.565.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 50.565.000 đồng (Năm mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: anh Đỗ Duy T phải chịu 2.528.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trọng S được hoàn lại tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: ông Nguyễn Trọng S khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Duy T trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Nguyễn Trọng S khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Duy T trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính 1.5%/ tháng tính từ ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch), ông S có cho anh Đỗ Duy T vay số tiền 30.000.000 đồng,

khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi thỏa thuận 1.5%/tháng. Khi vay, anh T nói vay để mua xe máy, thời hạn vay nói bằng miệng là 06 tháng. Kể từ ngày vay đến nay anh T chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng từ bỏ quyền lợi của mình, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Do vậy, ông S yêu cầu anh T trả cho vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng và lãi tính 1.5%/tháng, tính từ ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông S xác định là tài sản chung của vợ chồng ông và xác định là nợ riêng của anh T. Do vậy, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông S là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, ông S trình bày là khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng và ông xác định kể từ ngày vay cho đến nay, anh T chưa trả được số tiền lãi nào. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có lãi và có thời hạn. Trong quá trình giải quyết, ông S yêu cầu tính lãi từ ngày lãi tính 1.5%/tháng tính từ ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử, xét thấy mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 01/5/2021 âm lịch (tức ngày 10/6/2021 dương lịch) là 3 năm 9 tháng 21 ngày là 20.565.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Buộc anh Đỗ Duy T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi là 20.565.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 50.565.000 đồng (Năm mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: anh Đỗ Duy T phải chịu 2.528.250 đồng (Hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Trọng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.211.000 đồng theo biên lai số 0004293 ngày 07/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

